

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23-02-2021.

*“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình ly hôn, nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Đoàn Hùng.

2. Ông Lê Quang Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Ong Thị Ngọc Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 346/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về *“tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hồ Thị Trúc G, sinh năm 1981.

Địa chỉ: số nhà 737, tổ 20, ấp Đ, xã H, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Huỳnh Văn P, sinh năm 1975.

Địa chỉ: số nhà 621, tổ 11, khóm 2, đường P, Phường B, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị G có mặt, anh P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Hồ Thị Trúc G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị G và anh P chung sống với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó tình cảm vợ chồng không

còn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị và anh P không còn sống chung với nhau từ năm 2019, không còn quan tâm nhau. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị G yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị G và anh P có 02 con chung tên Huỳnh Thị Thùy D, sinh ngày 17/9/2000 và Huỳnh Thị Thùy V sinh ngày 07/11/2009. Con chung hiện tại đang sống chung với chị G.

Chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Thị Thùy V sinh ngày 07/11/2009. Đối với con chung tên Huỳnh Thị Thùy D, sinh ngày 17/9/2000, hiện tại đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đối với anh Huỳnh Văn P, Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh P. Tuy nhiên, anh P từ chối nhận văn bản của Tòa án. Đồng thời anh P cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của chị G.

Về tài liệu, chứng cứ: Trích lục kết hôn, bản sao giấy khai sinh của Huỳnh Thị Thùy V và Huỳnh Thị Thùy D, xác nhận nơi cư trú của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị G và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Huỳnh Văn P có địa chỉ tại xã H, thành phố Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tòa án tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Huỳnh Văn P tại địa chỉ nêu trên nhưng anh Phúc không có văn bản ý kiến và vắng mặt trong quá trình tố tụng và phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của chị Hồ Thị Trúc G về việc yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn P, Hội đồng xét xử xét thấy: chị G và anh P kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa chị G và anh P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên chị G yêu cầu ly hôn với anh P. Tại phiên tòa, chị G trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh P là do anh P không tập trung làm kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên bất đồng

quan điểm sống. Trong khoảng thời gian còn chung sống, chị và anh P cũng đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm nhưng sau đó anh P vẫn không thay đổi. Chị và anh P đã không còn chung sống với nhau từ năm 2019. Trong thời gian này, chị và anh P không còn liên lạc, quan tâm nhau.

Đối với anh Huỳnh Văn P, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh P nhưng anh P từ chối nhận và không đến Tòa án để trình bày ý kiến của anh P.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị G, anh P cũng không tự nguyện hàn gắn tình cảm vợ chồng để tiếp tục xây dựng gia đình. Tại phiên tòa, chị G vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh P. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của chị G với anh P đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và chị G yêu cầu ly hôn với anh P là có cơ sở nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị G.

[2.2] Về con chung: Chị G và anh P có 02 con chung tên Huỳnh Thị Thùy D, sinh ngày 17/9/2000 và Huỳnh Thị Thùy V sinh ngày 07/11/2009. Con chung hiện tại đang sống chung với chị G.

Chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Thị Thùy V sinh ngày 07/11/2009.

Xét yêu cầu của chị G, Hội đồng xét xử xét thấy: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy ý kiến cháu Thùy V, sinh ngày 07/11/2009, cháu có nguyện vọng sống cùng với mẹ là chị G. Anh P không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của chị G nên Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu của chị G cũng như xem xét nguyện vọng của cháu Huỳnh Thị Thùy V. Chấp nhận yêu cầu của chị G về việc yêu cầu được nuôi con chung tên Huỳnh Thị Thùy V, sinh ngày 07/11/2009.

Đối với con chung tên Huỳnh Thị Thùy D, sinh ngày 17/9/2000, hiện tại đã trưởng thành, chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Huỳnh Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị Trúc G. Chị Hồ Thị Trúc G được ly hôn với anh Huỳnh Văn P.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Hồ Thị Trúc G.

Chị Hồ Thị Trúc G được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Huỳnh Thị Thùy V, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2009. Hiện tại con chung đang sống chung với chị G.

Đối với con chung tên Huỳnh Thị Thùy D, sinh ngày 17/9/2000, hiện tại đã trưởng thành, chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thị Trúc G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007343 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Chị G đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Huỳnh Văn P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Chị Hồ Thị Trúc G có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Huỳnh Văn P có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Đường sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Mỹ Như

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hải - Nguyễn Đình Đoan Hùng

Phạm Mỹ Như

